

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/ 3/ 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải
2. Ông Nông Trung Kiên
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 27/3/2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXX-ST ngày 17/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T - Sinh năm 1996 (Có mặt).

Trú tại: Bản Cộng, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn K- Sinh năm 1991 (Vắng mặt có lý do).

Nơi ĐKKHKT: Bản H 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện anh Lò Văn K đang cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 Hà Nội. Địa chỉ: Xuân Đ - Tân M - S - H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/02/2023 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lò Thị T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn K tổ chức đám cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ vào ngày 22/02/2017. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn xong tôi và anh K sinh sống 2 nơi là sống tại bản C, xã C, huyện T, tỉnh Đ có việc lại lên bản Hồng K 1 xã T, huyện Đ được một thời gian đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống anh K không quan tâm chăm sóc vợ con, không dành thời gian cho gia đình. Nguyên nhân chính do tôi phát hiện ra anh K sử dụng chất ma túy. Tôi đã ly thân từ năm 2019 do mâu thuẫn không thể hòa giải. Đến ngày 16/12/2021 anh K bị đi cai nghiện 24 tháng tại: Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 H để lại một mình tôi nuôi con rất khó khăn cuộc sống khủng hoảng

trầm trọng, không có lối thoát. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên Tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K để tôi sớm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chị T và anh K có 1 con chung là Lò Thế M sinh ngày 23/5/2018. Quan điểm chị T xin được nuôi và chăm sóc cháu vì anh K phải đi cai nghiện. Về phần cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh Kiên cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị T khai không có.

Ngày 10/02/2023, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị T cho anh K biết và nhờ Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lò Văn K. Tại biên bản tổng đạt thông báo thụ lý vụ án của Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 ngày 02/03/2023 và bản tự khai ngày 02/3/2023 gửi cho Tòa anh Lò Văn K (bị đơn) trình bày nh- sau:

Về hôn nhân: Tôi và cô T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ. Kết hôn tự nguyện trong quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì. Hiện tại tôi đang cai nghiện tại cơ sở ma túy số 3 tại H thời gian đến ngày 16/12/2023 tôi cai nghiện xong tôi sẽ về nhà hòa nhập cộng đồng nên xin được tạm hoãn ly hôn chờ tôi về giải quyết với cô T

Về con chung có 1 con chung: Lò Thế M sinh ngày 23/5/2018. Hiện tôi đang phải đi cai nghiện nên không có mặt tại Tòa được và tôi không đồng ý cho chị Tuấn nuôi con đến ngày 16/12/2023 tôi cai nghiện xong tôi sẽ về nhà hòa nhập cộng đồng xã hội sẽ cùng với chị T giải quyết đơn trên. Mong Tòa xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương không có nên không có nguyện vọng gì.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, xin được trực tiếp nuôi con; Về tài sản không có như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày. Anh K có đơn xin tạm hoãn ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản H 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh K có bản tự khai xin tạm hoãn ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt cho nên căn cứ Khoản 1 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh K sử dụng chất ma túy và bị nghiện ma túy đã được gia đình cho đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 Hà Nội thời hạn 24 tháng. Trước khi anh K đi cai nghiện chị T và anh K đã ly thân từ

năm 2019. Do anh K bị nghiện chất ma túy, nên mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được cuộc sống không có lối thoát, khủng hoảng trầm trọng. Vì tình cảm không còn cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị T làm đơn xin ly hôn và giữ nguyên quan điểm ly hôn.

Tại biên bản tổng đạt ngày 02/3/2023 anh Kiên có ý kiến không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án cho vợ chồng thời gian tạm hoãn ly hôn chờ đến ngày 16/12/2023 anh cai nghiện xong về địa phương sẽ cùng chị T giải quyết việc ly hôn sau. Tại bản tự khai gửi cho Tòa anh K vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn xin tạm hoãn ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do anh K bị nghiện chất ma túy hiện tại anh K phải cai nghiện không có thời gian quan tâm chăm sóc giáo dục con chung và thời gian cho gia đình nên mâu thuẫn không thể hòa giải được. Hơn nữa hai anh chị đã ly thân từ năm 2019. Để đảm bảo quyền lợi của chị T và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không có thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do anh Kiên phải đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy. Như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị Tuấn cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Tuấn xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn K.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có 1 con chung là Lò Thế M sinh ngày 23/5/2018. Quan điểm chị T xin được nuôi và chăm sóc cháu M vì cháu còn nhỏ và anh K không có mặt tại địa phương. Hiện tại anh K đang phải đi cai nghiện ma túy nên không có điều kiện chăm sóc con chung. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu M và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tuấn căn cứ Khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Giao cháu Lò Thế M cho chị T nuôi dưỡng. Hai bên có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị T.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị T và anh K đều khai: Không có.

[5] Về án phí: Chị T là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thế M, sinh ngày 23/5/2018 cho chị Lò Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng.

Việc cấp d-ỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu anh Kiên cấp dưỡng nuôi con.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị T và anh K đều khai: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Tuân được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

